

Xây dựng khuôn khổ ESG cho doanh nghiệp Việt Nam: Tiếp cận từ góc độ thu hút nguồn vốn đầu tư quốc tế

Phạm Đức Anh, Nguyễn Nhật Minh, Lê Thị Hương Trà, Ngô Ánh Nguyệt
Học viện Ngân hàng, Việt Nam

Ngày nhận: 09/12/2024

Ngày nhận bản sửa: 24/07/2025

Ngày duyệt đăng: 25/07/2025

Tóm tắt: ESG đã và đang trở thành khuôn khổ then chốt trong hệ thống tài chính toàn cầu, đặc biệt trong thu hút đầu tư quốc tế. Nghiên cứu này hướng tới xây dựng khuôn khổ ESG cho doanh nghiệp Việt Nam từ góc độ thu hút đầu tư quốc tế. Thông qua phương pháp tổng quan tài liệu và phân tích dữ liệu thứ cấp, nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận về thực thi ESG, kinh nghiệm quốc tế từ các nước châu Âu và châu Á, và thực trạng triển khai tại Việt Nam. Kết quả chỉ ra các thách thức chính trong việc thực thi ESG tại Việt Nam gồm thiếu nguồn lực, kiến thức, quy định pháp lý phức tạp và chi phí cao. Từ đó, nghiên cứu đề xuất ba khuyến nghị: Xây dựng bộ tiêu chuẩn ESG quốc gia theo chuẩn quốc tế, thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan, và thiết lập cơ chế giám sát báo cáo ESG hiệu quả để thu hút vốn đầu tư quốc tế.

Từ khóa: Khuôn khổ ESG, Đầu tư quốc tế, Phát triển bền vững

Forming ESG standards for Vietnamese enterprises: A Foreign investment attraction perspective

Abstract: ESG has become a crucial framework in the global financial system, particularly in attracting international investment. This study seeks to develop an ESG framework for Vietnamese enterprises from the perspective of international investment attraction. Through literature review and secondary data analysis, the research clarifies the theoretical foundation of ESG implementation, international experiences from the European and Asian countries, and the current implementation status in Vietnam. The findings indicate key challenges in practising ESG in Vietnam including resource and knowledge deficiencies, complex regulations, and high implementation costs. From these findings, the research offers three recommendations: developing national ESG standards aligned with international benchmarks, promoting stakeholder engagement, and establishing an effective mechanism for monitoring ESG reporting to attract international investment capital.

Keywords: ESG framework, International investment, Sustainable development

Doi: 10.59276/JELB.2025.07CD.2846

Pham Duc Anh¹, Nguyen Nhat Minh², Le Thi Huong Tra³, Ngo Anh Nguyet⁴

Email: anhp@hvn.edu.vn¹, minhnn@hvn.edu.vn², tral@hvn.edu.vn³, nguyetna@hvn.edu.vn⁴

Organization of all: Banking Academy of Vietnam

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và phát triển bền vững, bộ tiêu chí ESG (bao gồm: Environment- Môi trường, Social- Xã hội, và Governance- Quản trị) đang nổi lên như một công cụ đánh giá quan trọng đối với hệ thống tài chính quốc tế. Khái niệm này lần đầu được đề cập trong công trình của Bowen (1953) về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR), trước khi chính thức được công bố bởi Hiệp ước Toàn cầu Liên Hợp Quốc (UN Global Compact) (2004). Vượt ra khỏi phạm vi thu hút đầu tư thuần túy, nhiều nghiên cứu thực nghiệm chứng minh ESG đang trở thành một trong các tiêu chí hàng đầu định hướng hành vi lựa chọn sản phẩm, dịch vụ của người tiêu dùng. Theo Nielsen (2018), 81% người tiêu dùng toàn cầu cho rằng các doanh nghiệp cần thực hiện trách nhiệm cải thiện môi trường, và 73% sẵn sàng thay đổi hành vi tiêu dùng để giảm tác động đến môi trường. Tương tự, McKinsey & Company (2020) ghi nhận 70% người tiêu dùng sẵn sàng trả giá cao hơn cho các sản phẩm có nguồn gốc bền vững. Thông tin ESG không chỉ cung cấp cơ sở đánh giá cho các quyết định đầu tư, mà còn hỗ trợ thúc đẩy tính bền vững của chuỗi giá trị thông qua đáp ứng yêu cầu về trách nhiệm môi trường và xã hội từ các đối tác kinh doanh.

Tại Việt Nam, Chính phủ và doanh nghiệp ngày càng nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của ESG, thể hiện qua những cam kết mạnh mẽ tại COP26 như mục tiêu “Net Zero” vào năm 2050, cũng như ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021- 2030 (Quyết định số 1658/QĐ-TTg). Tuy nhiên, theo PwC (2023), dù 57% doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIEs) tại Việt Nam cam kết tham gia ESG, chỉ có 21% doanh nghiệp tư nhân trong nước đưa ra cam kết tương tự. Dưới

góc nhìn nhà đầu tư, Dũng Nguyễn (2023) chỉ ra rằng sự thận trọng và e ngại khi đầu tư vào thị trường Việt Nam xuất phát từ các vướng mắc về ESG, cụ thể là thiếu dữ liệu minh bạch và đáng tin cậy về hiệu suất ESG của doanh nghiệp. World Bank (2022) cũng nhấn mạnh rằng Việt Nam cần huy động khoảng 368 tỷ USD cho tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2022- 2040, trong đó nguồn lực từ khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng.

Trong bối cảnh đó, bài viết hướng đến mục tiêu xây dựng khuôn khổ ESG cho các doanh nghiệp Việt Nam từ góc độ thu hút đầu tư quốc tế. Nghiên cứu tập trung vào ba mục tiêu: (1) Hệ thống hóa cơ sở lý luận về thực thi ESG trong thu hút đầu tư quốc tế; (2) Phân tích thực trạng áp dụng ESG và thu hút vốn đầu tư quốc tế tại Việt Nam; và (3) Đề xuất khuyến nghị khả thi nhằm hoàn thiện khuôn khổ ESG cho doanh nghiệp Việt Nam. Đóng góp của nghiên cứu này thể hiện ở hai khía cạnh. Về mặt học thuật, nghiên cứu cung cấp một khuôn khổ phân tích toàn diện về mối liên hệ giữa việc thực thi ESG và khả năng thu hút đầu tư quốc tế trong bối cảnh một nền kinh tế mới nổi như Việt Nam. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu đề xuất các giải pháp cụ thể giúp doanh nghiệp và cơ quan quản lý Việt Nam xây dựng và áp dụng hiệu quả các tiêu chuẩn ESG nhằm nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn đầu tư quốc tế. Về phương pháp nghiên cứu, bài viết sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu để hệ thống hóa cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về thực thi ESG. Đồng thời, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu thứ cấp từ các báo cáo của tổ chức quốc tế uy tín như World Bank, PwC, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và Cục Thống kê để đánh giá thực trạng triển khai ESG tại Việt Nam.

2. Lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Tổng quan về ESG

ESG là một khung đánh giá toàn diện về sự phát triển bền vững của tổ chức, được Kocmanova (2014) xác định là bộ tiêu chuẩn hiệu quả hoạt động doanh nghiệp dùng trong Báo cáo bền vững. Khái niệm này, có nguồn gốc từ công trình của Bowen (1953) về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, đã được chính thức công bố trong báo cáo "Who Cares Wins" của Hiệp ước Toàn cầu Liên Hợp Quốc (UN Global Compact) năm 2004, đặt nền móng cho khung đánh giá ESG hiện đại với ba nhóm tiêu chuẩn chính: (i) Môi trường (E), đo lường tính bền vững của hoạt động kinh tế dựa trên nguồn tài nguyên thiên nhiên, khả năng quản lý và phục hồi trước biến đổi khí hậu; (ii) Xã hội (S), đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu cơ bản của người dân, xóa đói giảm nghèo, quản lý các vấn đề xã hội và bình đẳng, cùng việc đầu tư vào nguồn nhân lực và năng suất lao động; (iii) Quản trị (G), tập trung vào năng lực quản trị, sức mạnh của hệ thống chính trị, tài chính, pháp luật và khả năng giải quyết rủi ro môi trường và xã hội.

Ngày nay, ESG không chỉ là công cụ thu hút đầu tư mà còn là động lực tăng cường sức cạnh tranh và xây dựng thương hiệu bền vững cho doanh nghiệp, đáp ứng xu hướng tiêu dùng có ý thức ngày càng cao. Báo cáo ESG đã trở thành công cụ đo lường và công khai hiệu quả hoạt động, giúp các bên liên quan đánh giá cam kết bền vững của doanh nghiệp một cách toàn diện. Wang và cộng sự (2024) chỉ ra rằng các hoạt động ESG tạo giá trị cho công ty thông qua ba khía cạnh: rủi ro, thông tin và chiến lược. Cụ thể, tác động về rủi ro và thông tin giúp giảm chi phí tài chính, hạn chế tài chính và cải thiện năng lực R&D và đổi mới, trong

khí góc nhìn chiến lược mang lại lợi thế cạnh tranh và hiện thực hóa giá trị dài hạn. Nhiều nghiên cứu khác trên thị trường toàn cầu (Aureli và cộng sự, 2019), các nước phát triển (Taliento và cộng sự, 2019) và các thị trường mới nổi như Trung Quốc (Zhao và cộng sự, 2018) cũng đã khẳng định vai trò của các hoạt động ESG trong việc nâng cao hiệu quả tài chính và giá trị thị trường của các công ty.

2.2. Tầm quan trọng của ESG trong thu hút đầu tư quốc tế

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, ESG đã trở thành yếu tố cốt lõi cho nhiều nhà đầu tư quốc tế khi cân nhắc quyết định đầu tư vào các doanh nghiệp. Các nhà đầu tư tài chính đặc biệt tìm kiếm các doanh nghiệp đề cao ESG như một giá trị trung tâm trong hoạt động, quan tâm đến các vấn đề được chú trọng bởi nhân viên, cộng đồng và ngành kinh doanh trên toàn thế giới. Việc này không chỉ giúp doanh nghiệp thu hút vốn đầu tư mà còn nâng cao hình ảnh thương hiệu và niềm tin từ cộng đồng (Bhaskaran và cộng sự, 2020; Qureshi và cộng sự, 2019; Taliento và cộng sự, 2019).

Việc hiểu và áp dụng các yếu tố chính của ESG mang lại lợi ích dài hạn cho doanh nghiệp bằng cách tăng cường giá trị kinh doanh, quản lý rủi ro hiệu quả và xây dựng lòng tin từ các bên liên quan (Boffo & Patalano, 2020). Cụ thể, ESG giúp doanh nghiệp:

- Giảm thiểu rủi ro: Xác định, quản lý rủi ro môi trường, xã hội và quản trị, từ đó nhận diện các vấn đề tiềm ẩn thông qua đánh giá tác động hoạt động kinh doanh đến môi trường và xã hội.

- Tối ưu hóa cơ hội: Tạo ra cơ hội kinh doanh mới như các giải pháp năng lượng tái tạo, sử dụng tài nguyên bền vững và tương tác tích cực với cộng đồng, mang lại lợi ích kinh tế và giá trị tốt hơn cho doanh

ngành. Việc đẩy mạnh đa dạng trong môi trường làm việc cũng thúc đẩy sự sáng tạo và phát triển dài hạn.

- Xây dựng lòng tin và thương hiệu: Tạo dựng niềm tin với khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng. Thực hiện tốt các yếu tố môi trường, xã hội và tương tác tích cực với cộng đồng sẽ xây dựng hình ảnh và danh tiếng tích cực cho doanh nghiệp.

- Phát triển đội ngũ: Giúp nhân viên cân bằng cuộc sống- công việc, cải thiện sức khỏe và năng suất, tạo môi trường làm việc lành mạnh, thu hút và giữ chân nhân tài, thúc đẩy sự gắn kết và cống hiến.

Các nhà đầu tư quốc tế thường xem xét kỹ lưỡng chiến lược, nguồn lực, quy trình nghiệp vụ, đổi mới sáng tạo, cũng như hệ thống dữ liệu báo cáo, công bố thông tin và xếp hạng ESG của doanh nghiệp khi đưa ra quyết định đầu tư. Việc đánh giá xếp hạng ESG bắt đầu bằng việc xem xét các tiêu chí liên quan trong từng nhân tố Môi trường, Xã hội và Quản trị (xem Bảng 1) (Boffo & Patalano, 2020). Để hỗ trợ các bên cho vay và nhà đầu tư xác định chi phí nợ, các tổ chức đánh giá xếp hạng tín dụng (Credit Rating Agencies- CRAs) cũng đang tích hợp rủi ro ESG vào các xếp hạng hiện có và phát triển các thang xếp hạng ESG mới. Như vậy, các định chế đầu tư quốc tế luôn cố gắng tích hợp các yếu tố ESG vào quyết định đầu tư của mình, và doanh nghiệp sẽ chỉ được coi là có tiềm năng tiếp nhận vốn khi hồ sơ báo cáo thể hiện được vấn đề

ESG một cách ấn tượng và thực chất. Báo cáo của McKinsey (2019) đã cung cấp một khuôn mẫu cho thấy vai trò của ESG trong việc nâng cao uy tín doanh nghiệp, giảm thiểu chi phí, rủi ro và khả năng tiếp cận nguồn vốn. Khi ESG được thiết lập hiệu quả, nó có thể tạo ra giá trị và mối liên kết với dòng tiền thông qua năm phương diện: thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, giảm chi phí, hạn chế sự can thiệp từ quy định và pháp luật, tăng năng suất nhân viên, và tối ưu hóa đầu tư và chi tiêu vốn (Henisz và cộng sự, 2019).

Tóm lại, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về ESG trên thế giới và tại Việt Nam, các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào việc chứng minh mối quan hệ tích cực giữa hiệu quả tài chính và thực hành ESG, hoặc mô tả thực trạng, thách thức chung. Tuy nhiên, vẫn còn một khoảng trống đáng kể trong việc nghiên cứu một cách hệ thống về việc xây dựng một khuôn khổ ESG toàn diện dành riêng cho các doanh nghiệp tại một thị trường mới nổi như Việt Nam, đặc biệt là khi tiếp cận từ góc độ thu hút nguồn vốn đầu tư quốc tế. Do đó, nghiên cứu này sẽ tập trung vào khoảng trống đó, nhằm đưa ra các khuyến nghị khả thi giúp Việt Nam hoàn thiện khung pháp lý và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận hiệu quả nguồn vốn quốc tế thông qua thực hành ESG.

3. Thực trạng áp dụng ESG trong thu hút đầu tư quốc tế tại Việt Nam

Bảng 1. Hệ thống tiêu chí đánh giá ESG

Nhân tố môi trường (E)	Nhân tố xã hội (S)	Nhân tố quản trị (G)
Sử dụng tài nguyên thiên nhiên	Lực lượng lao động	Sự độc lập của Hội đồng quản trị
Phát khí thải carbon	Nhân quyền	Sự đa dạng của Hội đồng quản trị
Hiệu quả năng lượng	Đa dạng	Quyền lợi cổ đông
Ô nhiễm/chất thải	Chuỗi cung ứng	Đãi ngộ với ban điều hành
Cơ hội môi trường		Đạo đức doanh nghiệp

Nguồn: OECD (2022)

3.1. Quy trình xây dựng, triển khai ESG

Theo khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu (EC) (2021) về tích hợp các yếu tố ESG vào các chiến lược kinh doanh và chính sách đầu tư của doanh nghiệp, để xây dựng và triển khai ESG hiệu quả, các doanh nghiệp cần thực hiện đầy đủ 8 bước (Hình 1).

- Bước 1: Hoạch định: Xây dựng chiến lược ESG dựa trên ba trụ cột chính: môi trường (E), xã hội (S), và quản trị (G), đồng thời đảm bảo chiến lược phù hợp với mục tiêu dài hạn của công ty. Các doanh nghiệp có thể tham khảo các khung tiêu chuẩn như Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc hoặc tiêu chuẩn SASB.

- Bước 2: Nghiên cứu tác động: Đánh giá tác động của doanh nghiệp đối với con người và môi trường, xác định các rủi ro trong ba nhóm: môi trường, cộng đồng, và nhân viên.

- Bước 3: Đánh giá tính trọng yếu: Xác định các ưu tiên ESG quan trọng đối với các bên liên quan như nhà đầu tư và cộng

đồng địa phương, giúp doanh nghiệp xây dựng chiến lược hiệu quả.

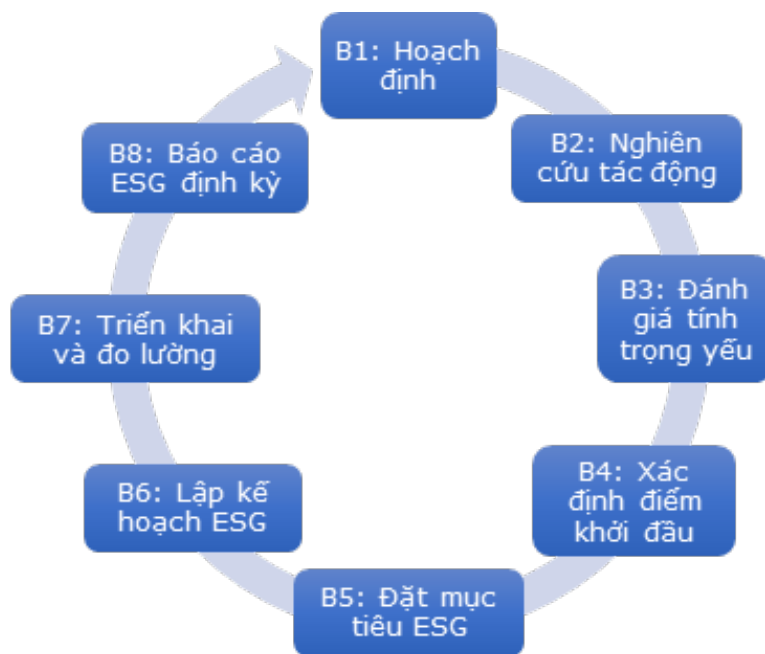
- Bước 4: Xác định điểm khởi đầu: Đo lường và đánh giá tình hình hiện tại của doanh nghiệp và mức độ trưởng thành trong ESG.

- Bước 5: Đặt mục tiêu ESG: Thiết lập mục tiêu cụ thể để cải thiện hiệu suất, như giảm phát thải carbon, cải thiện phúc lợi nhân viên, và tăng cường quản lý chuỗi cung ứng.

- Bước 6: Lập kế hoạch ESG: Phát triển kế hoạch ESG chi tiết với các mục tiêu ngắn và dài hạn, phân chia thành các bước khả thi.

- Bước 7: Triển khai và đo lường: Đặt ra chỉ số hiệu suất chính (KPI) để theo dõi tiến độ thực hiện mục tiêu ESG và sử dụng các khung báo cáo như GRI và SASB.

- Bước 8: Báo cáo ESG định kỳ: Công bố báo cáo ESG hàng năm theo các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo thông tin dễ dàng tiếp cận và tổ chức các cuộc họp với các bên liên quan để đánh giá và cải thiện chiến lược ESG.



Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ các khuyến nghị của EC (2021)

Hình 1. Xây dựng và triển khai ESG trong doanh nghiệp

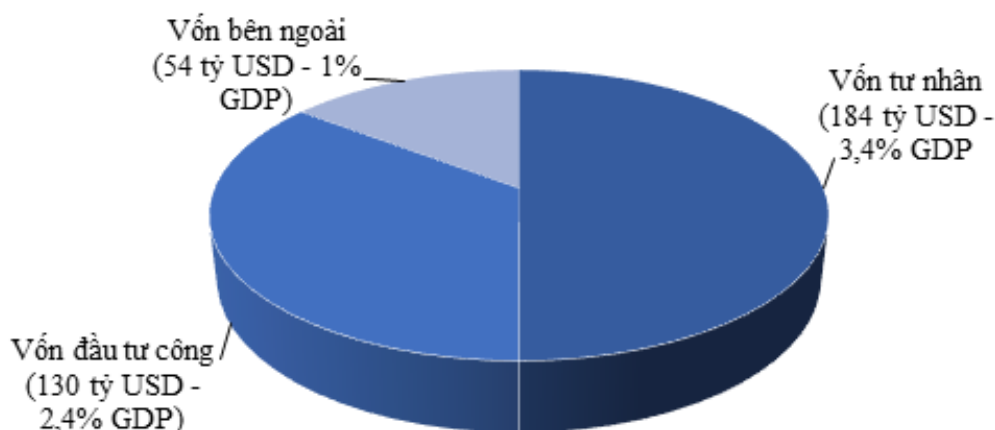
3.2. Thực trạng thu hút đầu tư nước ngoài thông qua triển khai ESG

Theo Báo cáo phát triển và khí hậu quốc gia Việt Nam của World Bank (2022), nhu cầu về vốn nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh và chống biến đổi khí hậu của Việt Nam giai đoạn 2022- 2040 có thể lên đến 368 tỷ USD, trong đó bao gồm 254 tỷ USD cho các khoản đầu tư về khả năng phục hồi môi trường (resilient), 114 tỷ USD nhằm thực hiện các cam kết phi carbon hóa (decarbonizing) (bao gồm 81 tỷ USD đầu tư và 33 tỷ USD cho các chương trình xã hội). Trong đó, có ba nguồn lực chính Việt Nam có thể sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn, gồm: vốn tư nhân (private source), vốn đầu tư công (public source) và vốn từ bên ngoài (external source) (Hình 2). Theo đó, khuyến khích đầu tư tư nhân bao gồm việc huy động tín dụng xanh của các ngân hàng, phát triển các công cụ dựa trên thị trường như cổ phiếu xanh và trái phiếu xanh, và áp dụng các công cụ kiểm soát rủi ro. Ngoài ra, có thể tăng nguồn đầu tư công bằng cách thông qua thuế carbon và/hoặc bằng vay vốn trên thị trường trong nước

và nước ngoài, trong giới hạn cần thiết để tránh tình trạng nợ công tăng cao. Cuối cùng, Việt Nam có thể tăng cường doanh thu từ các nguồn tài chính quốc tế, bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà tài trợ đa phương và song phương, FDI và kiều hối nhằm hỗ trợ nguồn lực vốn cho mục tiêu tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

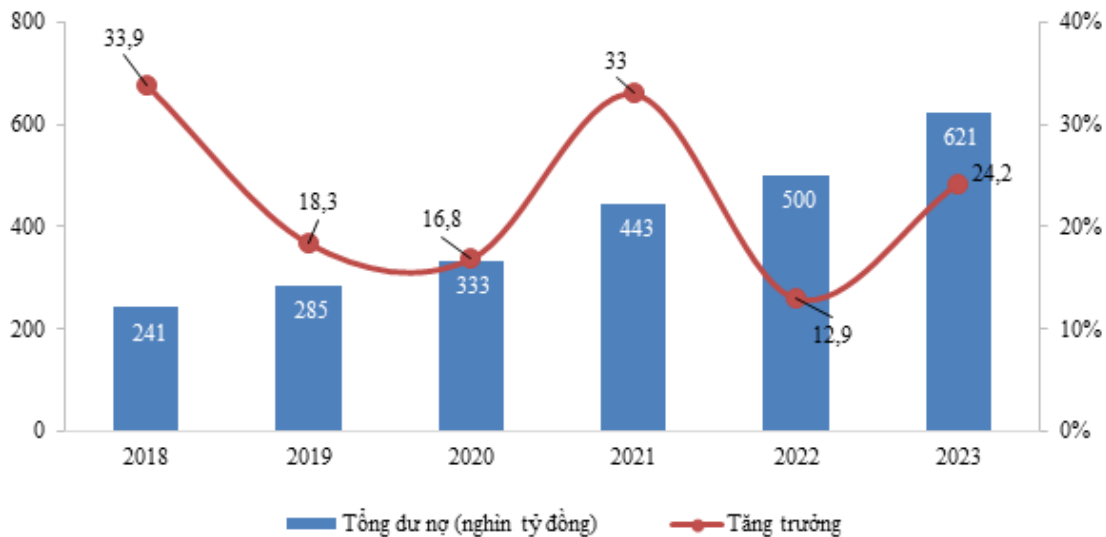
Trong những năm gần đây, các doanh nghiệp Việt Nam đang nỗ lực trong việc thu hút, tăng cường nguồn lực tài chính cho các dự án xanh. Điều này, được thể hiện ở việc dư nợ tín dụng xanh tăng trưởng đều đặn qua các năm, từ khoảng 241 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2018 lên mức gần 621 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2023, với mức tăng 24,2% so với năm 2022 (Hình 3). Cũng trong giai đoạn 2018- 2023, tăng trưởng tín dụng xanh đạt mức cao nhất (33%) vào các năm 2020 và 2021.

Về cơ cấu, dư nợ tín dụng xanh phân bổ tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp xanh và chủ yếu là tín dụng dài hạn. Dư nợ tín dụng xanh chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp xanh (chiếm 40%). Cùng với đó, tỷ trọng tín dụng vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch gia tăng đáng kể trong những



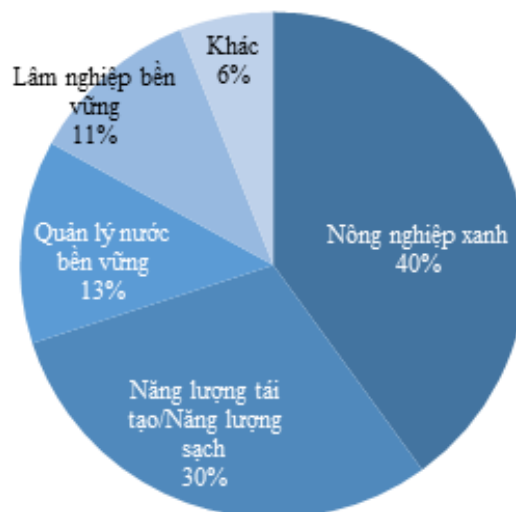
Nguồn: World Bank (2022)

Hình 2. Nhu cầu vốn cho tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu của Việt Nam, giai đoạn 2022- 2040 (tổng: 368 tỷ USD)



Nguồn: Đỗ Văn Hương (2023), Phạm Thị Vân Huyền (2024), tổng hợp từ số liệu của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN

Hình 3. Tăng trưởng dư nợ tín dụng xanh của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam giai đoạn 2018- 2023



Nguồn: Nguyễn Đặng Hải Yến và Lê Văn Sơn (2023)

Hình 4. Cơ cấu tín dụng xanh theo lĩnh vực tại Việt Nam năm 2023

năm gần đây, góp phần khiến lĩnh vực này trở thành lĩnh vực có dư nợ tín dụng xanh cao thứ hai trong các lĩnh vực vào năm 2023, tương ứng 30% tổng dư nợ tín dụng xanh (Hình 4). Tiếp đó là tỷ trọng tín dụng xanh vào lĩnh vực quản lý nước bền vững,

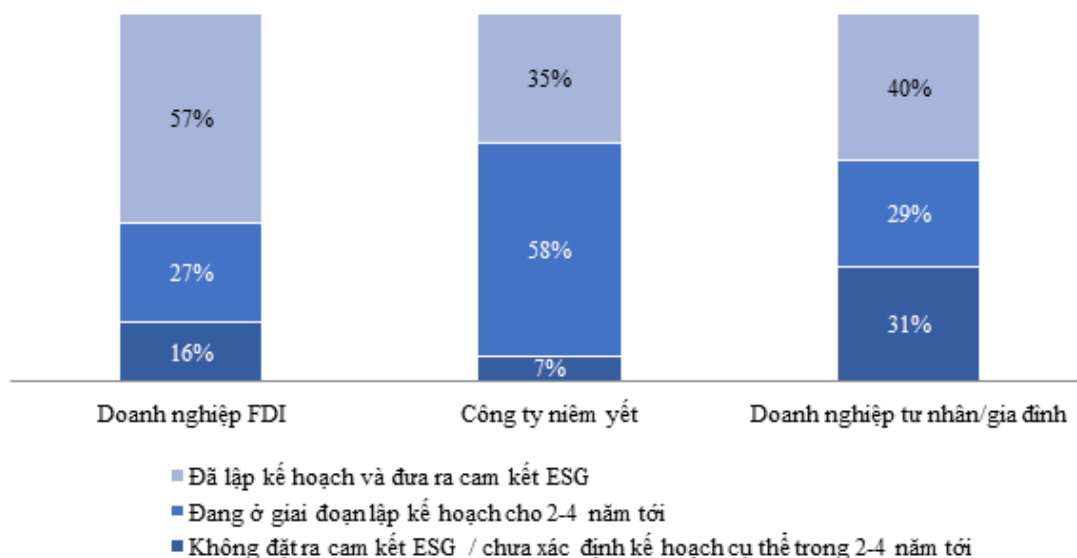
chiếm 13% tổng dư nợ tín dụng xanh. Cùng với sự phát triển của tín dụng xanh, đầu tư bền vững đã trở thành một xu hướng nổi bật trong thời gian gần đây. Theo khảo sát của UOB (2024) về tâm lý người tiêu dùng tại khu vực ASEAN, 92% người tham

gia cho rằng đầu tư bền vững sẽ trở thành một kênh đầu tư phổ biến trong 3- 5 năm tiếp theo. Đồng thời, 58% cho biết họ sẽ cân nhắc đầu tư bền vững nếu nó phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro của bản thân. Cũng trong xu hướng này, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE) đã xây dựng chỉ số phát triển bền vững (VNSI), nhằm cung cấp các tiêu chuẩn cơ bản về phát triển bền vững cho doanh nghiệp, đồng thời giúp nhà đầu tư, bao gồm cả các cá nhân, nhận diện các đặc điểm “xanh”. Trên thực tế, nhóm 20 cổ phiếu dẫn đầu về chỉ số này luôn thu hút sự quan tâm mạnh mẽ từ các quỹ đầu tư, khi chiếm ưu thế về số lượng trong danh mục của các quỹ (Dũng Nguyễn, 2023).

Về đầu tư nước ngoài, khảo sát của PwC (2023) cho thấy doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIEs) cam kết mạnh mẽ hơn đối với ESG so với các doanh nghiệp niêm yết và tư nhân, với 57% tuyên bố tham gia (Hình 5). Xu hướng này phản ánh sự ảnh hưởng từ việc áp dụng ESG của các công ty mẹ ở nước ngoài. Các FIEs cũng đóng

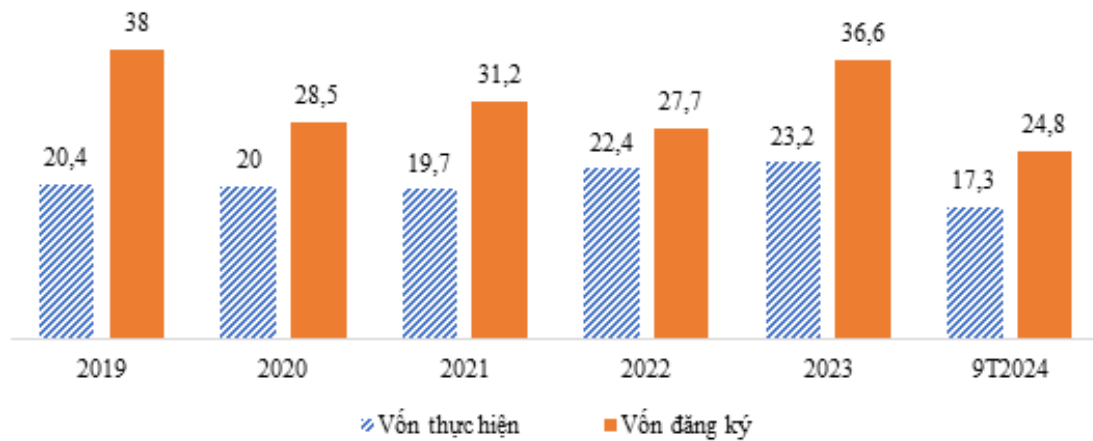
vai trò quan trọng trong việc chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ và tạo cơ hội tiếp cận tài chính xanh cho các đối tác và nhà cung cấp địa phương. Do đó, có thể thấy FIEs có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy áp dụng và triển khai ESG tại Việt Nam, từ đó, tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

Sự chú trọng của các nhà đầu tư nước ngoài đối với kinh tế và sản xuất xanh đã tạo ra những ảnh hưởng tích cực đối với nền kinh tế Việt Nam. Cụ thể, mô hình khu công nghiệp (KCN) sinh thái đã nhận được nhiều sự quan tâm hơn, cùng với việc hoàn thiện các chính sách và gia tăng đầu tư từ các doanh nghiệp bất động sản công nghiệp. Đồng thời, Ban quản lý các KCN cũng đã nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường như một yếu tố then chốt để thu hút FDI. Các KCN hiện nay chú trọng hơn đến việc đánh giá tác động môi trường để đảm bảo rằng các dự án đầu tư đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường. Gần đây, dòng vốn FDI vào Việt Nam đã có những thay đổi đáng kể về cả số lượng và chất lượng



Nguồn: PwC (2023)

Hình 5. Tỷ lệ doanh nghiệp tại Việt Nam đánh giá về mức độ sẵn sàng thực hành ESG theo loại hình công ty



Nguồn: Cục Thống kê (2024)

Hình 6. Thu hút và giải ngân FDI tại Việt Nam giai đoạn 2019- 9T2024 (tỷ USD)

(Hình 6). Các dự án đầu tư hiện đang dần đáp ứng các tiêu chuẩn phù hợp với mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững của Việt Nam. Một số dự án tiêu biểu gần đây bao gồm Nhà máy trung hòa carbon của LEGO tại Bình Dương, Dự án điện gió ngoài khơi La Gàn tại Bình Thuận và Dự án nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) tại Bạc Liêu.

3.3. Thách thức trong quá trình triển khai ESG

Ngoài việc mang đến cơ hội về thu hút đầu tư, gia tăng giá trị cho doanh nghiệp, việc áp dụng ESG có thể tiềm ẩn một số thách thức doanh nghiệp cần lưu ý (Nguyễn Hoàng Hiệp, 2024)

Thứ nhất, thiếu hụt nguồn lực và kiến thức về ESG. Một trong những khó khăn lớn nhất khi doanh nghiệp triển khai ESG là thiếu hụt về nguồn lực và kiến thức. Để thực hiện các tiêu chí ESG, doanh nghiệp cần đầu tư đáng kể cho tài chính, thời gian và nhân lực. Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa đủ nguồn lực và hiểu biết về ESG. Các hoạt động hiện tại mới dừng lại ở cam kết chứ chưa thực sự triển khai, và một trong những rào cản lớn đến từ thiếu kiến thức chuyên môn. Theo báo cáo PwC (2023) về mức độ sẵn

sàng thực hành ESG tại Việt Nam, 60% doanh nghiệp cho rằng thiếu kiến thức là yếu tố cản trở việc cam kết ESG, với 54% doanh nghiệp không xem xét trang bị kiến thức ESG cho nhân viên.

Thứ hai, quy định pháp lý phức tạp. Các quy định pháp lý về ESG tại Việt Nam vẫn còn mới và chưa đồng bộ, gây khó khăn trong việc tuân thủ. Ngoài ra, việc thiếu chuẩn mực báo cáo thống nhất khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đo lường và đánh giá hiệu quả ESG. Một trong những thách thức lớn là sự thiếu minh bạch trong các quy định pháp lý, và các tổ chức vẫn đang chờ hướng dẫn từ Nhà nước về cách thức cụ thể thực hiện ESG (Huỳnh Diệu Ngân, 2024).

Thứ ba, chi phí triển khai và duy trì hệ thống quản trị ESG. Việc triển khai và duy trì hệ thống quản trị ESG đòi hỏi một khoản đầu tư tài chính không nhỏ, điều này có thể là rào cản đối với nhiều doanh nghiệp. Nguồn lực tài chính cho ESG phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ từ các nhà đầu tư. Tuy nhiên, từ góc nhìn của nhà đầu tư, sự thận trọng trong việc đầu tư vào thị trường Việt Nam xuất phát từ các vướng mắc về ESG, dữ liệu và độ tin cậy.

Thứ tư, sự thay đổi văn hóa doanh nghiệp.

Áp dụng ESG đòi hỏi doanh nghiệp phải thay đổi văn hóa tổ chức, hướng tới phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội. Theo Huỳnh Diệu Ngân (2024), các doanh nghiệp chưa thực hiện ESG một phần vì cơ cấu quản trị yếu kém. Không chỉ cần tuyển dụng nhân sự có kỹ năng, mà còn phải duy trì và phát huy năng lực của đội ngũ nhân viên, đặc biệt là sự lãnh đạo trong quá trình thúc đẩy ESG.

Thứ năm, áp lực từ các bên liên quan và cạnh tranh. Doanh nghiệp phải đối mặt với áp lực từ các bên liên quan như nhà đầu tư, khách hàng và cộng đồng trong việc áp dụng ESG. Bên cạnh đó, với sự phát triển của nền kinh tế số, sự cạnh tranh trong việc triển khai ESG ngày càng gay gắt. Doanh nghiệp không chỉ cần đáp ứng yêu cầu từ khách hàng và nhà đầu tư, mà còn phải vượt qua đối thủ cạnh tranh trong việc thực hiện ESG. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng và cam kết mạnh mẽ từ phía doanh nghiệp.

4. Kinh nghiệm quốc tế về áp dụng ESG trong thu hút đầu tư

4.1. Kinh nghiệm các nước châu Âu

Trong bối cảnh tài chính toàn cầu ngày càng chú trọng đến phát triển bền vững, Liên minh châu Âu (EU) đã khẳng định vị thế tiên phong trong việc áp dụng các tiêu chuẩn ESG để thu hút nguồn vốn đầu tư quốc tế. Những năm gần đây, EU đã xây dựng một hệ thống chính sách và khung pháp lý chặt chẽ nhằm đảm bảo rằng các khoản đầu tư không chỉ mang lại lợi nhuận tài chính mà còn có tác động tích cực đến môi trường và xã hội. Các quy định ESG của EU không chỉ giúp khu vực này thu hút mạnh mẽ dòng vốn quốc tế mà còn tạo ra một chuẩn mực toàn cầu, thúc đẩy các doanh nghiệp và nhà đầu tư trên thế giới

hướng đến mô hình kinh doanh bền vững hơn. EU đã triển khai một loạt các quy định nghiêm ngặt nhằm đảm bảo tính bền vững trong hoạt động đầu tư, trong đó đáng chú ý là Luật phân loại tài chính bền vững của EU (EU Taxonomy Regulation). Đây là một khung phân loại khoa học giúp các nhà đầu tư xác định các hoạt động kinh tế nào thực sự đóng góp vào các mục tiêu môi trường và bền vững, chẳng hạn như giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên, và bảo vệ đa dạng sinh học. Quy định này giúp dòng vốn quốc tế dễ dàng nhận diện các dự án bền vững, từ đó khuyến khích đầu tư vào những lĩnh vực thân thiện với môi trường.

Để tăng cường tính minh bạch và độ tin cậy thông tin ESG, EU đã ban hành nhiều chỉ thị và tiêu chuẩn báo cáo toàn diện. Cụ thể, EU đã thông qua Chỉ thị về báo cáo tính bền vững doanh nghiệp (Corporate Sustainability Reporting Directive- CSRD), yêu cầu các công ty niêm yết trên sàn chứng khoán công bố thông tin chi tiết về hoạt động ESG của họ. Chỉ thị này không chỉ thay thế quy định cũ (Non-Financial Reporting Directive- NFRD) mà còn mở rộng phạm vi áp dụng, yêu cầu báo cáo về khí thải, tiêu thụ năng lượng, tác động xã hội và các vấn đề liên quan đến quản trị doanh nghiệp. Điều này đặc biệt quan trọng vì nó cung cấp cho nhà đầu tư quốc tế thông tin đầy đủ và minh bạch hơn khi quyết định đầu tư vào châu Âu. Hơn nữa, EU còn đi đầu trong phát triển Tiêu chuẩn báo cáo bền vững châu Âu (European Sustainability Reporting Standards- ESRS), nhằm đảm bảo rằng tất cả các báo cáo ESG được chuẩn hóa, dễ so sánh và phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Việc yêu cầu doanh nghiệp minh bạch trong hoạt động bền vững không chỉ làm tăng sự tin cậy đối với các nhà đầu tư mà còn góp phần nâng

cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội.

4.2. Kinh nghiệm các nước châu Á

Trong các quốc gia khu vực châu Á, Hàn Quốc được biết đến là một trong những quốc gia đi đầu trong công tác phát triển và thực thi chiến lược ESG. Bộ Môi trường Hàn Quốc đã phát triển bộ tiêu chí Phân loại xanh Hàn Quốc (K-Taxonomy) để ngăn chặn rửa xanh và thúc đẩy các hoạt động kinh tế xanh thực sự, thiết lập các nguyên tắc và tiêu chí rõ ràng cho các hoạt động kinh tế xanh. Cụ thể, K-Taxonomy là một hệ thống phân loại các hoạt động kinh tế thành xanh và không xanh để thúc đẩy các hoạt động kinh tế xanh thực sự và ngăn chặn hiện tượng rửa xanh (Minh Hoàng, 2024). K-Taxonomy quy định cụ thể thành phần gồm 6 mục tiêu chính về môi trường gồm: giảm khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước, kinh tế tuần hoàn, ô nhiễm, đa dạng sinh học.

Về nguyên tắc, K-Taxonomy nêu rõ, phải

góp phần đạt được một hoặc nhiều hơn trong số 6 mục tiêu môi trường (Substantial Contribution, SC; không được gây tổn hại đáng kể đến các mục tiêu môi trường khác trong quá trình đạt được các mục tiêu môi trường (Do No Significant Harm- DNSH); không được vi phạm pháp luật liên quan đến nhân quyền, lao động, an toàn, chống tham nhũng, di sản văn hóa... (Minimum Safeguards, MS). K-Taxonomy cũng quy định chi tiết từng tiêu chí đánh giá, từ tiêu chí hoạt động đến tiêu chí công nhận, tiêu chí loại trừ và tiêu chí bảo vệ trước khi quyết định đạt chuẩn Phân loại xanh. Ngoài việc phân loại xanh, Hàn Quốc cũng xác định tập trung phát hành trái phiếu xanh để sử dụng cho các dự án đạt chuẩn phân loại xanh. Bộ Môi trường Hàn Quốc đang xúc tiến chương trình hỗ trợ lãi suất để kích hoạt Trái phiếu xanh Hàn Quốc (Hình 7). Cùng với Hàn Quốc, Singapore cũng là nước có cách tiếp cận khá toàn diện trong việc tích hợp ESG vào hoạt động tín dụng. Cụ thể, Singapore thực hành tích hợp ESG trong cấp tín dụng theo 3 hướng tiếp cận



Nguồn: Minh Hoàng (2024)

Hình 7. Chu trình tài chính xanh của Hàn Quốc

gồm: giảm hoặc dừng tài trợ cho dự án vi phạm tiêu chuẩn bền vững; đẩy mạnh các khoản cho vay thỏa mãn các tiêu chí bền vững; tích hợp quản trị rủi ro ESG trong việc thẩm định dự án, như một bước bắt yếu trong quy trình phê duyệt cấp tín dụng (Minh Hoàng, 2024).

Tại Nhật Bản, Bộ Môi trường đã ban hành hướng dẫn nguyên tắc ngân hàng có trách nhiệm vào tháng 3/2021. Các nguyên tắc này bao gồm việc gắn kết và lồng ghép các nhu cầu cá nhân và mục đích xã hội vào chiến lược kinh doanh phù hợp với SDGs và Thỏa thuận Paris; xác định, công khai tác động và mục tiêu về hoạt động ngân hàng có trách nhiệm; thu hút khách hàng tham gia kiến tạo xã hội bền vững; thiết lập mối quan hệ tích cực với khách hàng; tích cực cộng tác với các bên liên quan; tăng cường quản trị nội bộ; và minh bạch, giải trình trách nhiệm đối với ESG. Bộ nguyên tắc này đưa ra khuôn khổ 04 năm để các ngân hàng đăng ký thực hiện, trong đó yêu cầu phân tích tác động, thiết lập mục tiêu, triển khai và đạt được mục tiêu về tính trách nhiệm trong hoạt động ngân hàng (Phạm Minh Tú, 2023).

Trung Quốc cũng đã có những bước tiến đáng kể trong thực hiện ESG. Ngoài quy định pháp lý chung, Trung Quốc ban hành “Hướng dẫn Tài chính Xanh cho Ngành Ngân hàng và Bảo hiểm”, nâng tầm quan trọng của ESG lên cấp độ chiến lược và yêu cầu các ngân hàng tích hợp ESG vào quy trình quản lý và hệ thống quản lý rủi ro toàn diện. Một cơ cấu tổ chức ESG hoàn chỉnh tại Trung Quốc bao gồm ba cấp độ: Quản trị- Quản lý- Thực thi (GME), nhằm phân rõ trách nhiệm trong kinh doanh và quản lý ESG (Minh Hoàng, 2024). Các ngân hàng Trung Quốc đã bắt đầu xếp hạng tín nhiệm ESG bằng cách tích hợp ESG và rủi ro khí hậu vào các mẫu báo cáo và thẩm định tín dụng khách hàng doanh nghiệp, đồng thời

phát triển các sản phẩm đầu tư khí hậu để hỗ trợ các ngành công nghiệp carbon thấp và thúc đẩy chuyển đổi danh mục đầu tư.

5. Kết luận và khuyến nghị dành cho Việt Nam

Trong bối cảnh toàn cầu ngày càng chú trọng đến các tiêu chí ESG, việc xây dựng một khuôn khổ ESG hiệu quả là rất cần thiết để thu hút dòng vốn đầu tư quốc tế. Nghiên cứu này đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và phân tích thực trạng về việc xây dựng khuôn khổ ESG tại Việt Nam dưới góc độ thu hút đầu tư quốc tế. Kết quả cho thấy, ESG không chỉ là tiêu chí đánh giá rủi ro mà còn là động lực tạo ra giá trị dài hạn, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cạnh tranh và thu hút vốn của doanh nghiệp. Tại Việt Nam, nhận thức về ESG ngày càng tăng, thể hiện qua cam kết “Net Zero” của Chính phủ và sự quan tâm của doanh nghiệp. Tuy nhiên, phân tích thực trạng chỉ ra, dù dòng vốn đầu tư bền vững và tín dụng xanh có xu hướng tăng, nhưng các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là khối tư nhân, vẫn còn hạn chế trong việc cam kết và thực hành ESG so với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FIEs). Qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, bài viết cũng đưa ra một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả xây dựng khuôn khổ ESG nhằm thu hút hiệu quả nhà đầu tư quốc tế tại Việt Nam:

Thứ nhất, Việt Nam cần xây dựng bộ tiêu chuẩn ESG quốc gia theo chuẩn quốc tế và rà soát, cập nhật các quy định liên quan đến môi trường, xã hội, quản trị để đảm bảo tính đồng bộ và khả thi. Việc phát triển một bộ tiêu chuẩn ESG quốc gia theo mô hình EU Taxonomy hoặc K-Taxonomy của Hàn Quốc, cùng với việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như GRI (Global Reporting Initiative) và SASB (Sustainability

Accounting Standards Board), sẽ giúp Việt hòa nhập tốt hơn xu hướng toàn cầu, nâng cao tính minh bạch trong báo cáo hiệu suất ESG, và thu hút các nhà đầu tư quốc tế ngày càng quan tâm đến yếu tố này. Điều này không chỉ nâng cao trách nhiệm xã hội mà còn tạo động lực để cải tiến mô hình kinh doanh bền vững, giúp Việt Nam ứng phó với các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu và minh bạch hóa quản trị.

Thứ hai, Việt Nam cần thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng, trong quá trình xây dựng khung pháp lý để tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, từ đó nâng cao niềm tin từ cộng đồng và nhà đầu tư. Việc tạo ra sự đồng thuận xã hội về các tiêu chí ESG là rất quan trọng, giúp khung pháp lý dễ dàng được chấp nhận và thực hiện trong thực tiễn, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển bền vững. Học hỏi từ kinh nghiệm Nhật Bản về việc áp dụng nguyên tắc ngân hàng có trách nhiệm với lộ trình bốn năm, Việt Nam có thể khuyến khích các ngân hàng và tổ chức tài chính tích hợp ESG vào hoạt động kinh doanh. Đồng thời, tổ chức các hội thảo, diễn đàn và chương trình đào tạo sẽ nâng cao nhận thức và cung cấp kiến thức cần thiết để doanh nghiệp áp dụng hiệu quả các tiêu chí ESG, từ đó nâng

cao khả năng cạnh tranh và thu hút đầu tư. Cuối cùng, để thu hút hiệu quả nhà đầu tư quốc tế, Việt Nam cần xây dựng một cơ chế giám sát báo cáo ESG rõ ràng và hiệu quả, đặc biệt chú trọng thiết lập một hệ thống giám sát độc lập. Cơ quan quản lý cần đóng vai trò giám sát chính, đảm bảo doanh nghiệp báo cáo ESG minh bạch và chính xác, từ đó tạo lòng tin cho nhà đầu tư và nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp. Kinh nghiệm từ Trung Quốc cho thấy việc ban hành “Hướng dẫn Tài chính xanh cho ngành Ngân hàng và Bảo hiểm” và áp dụng cấu trúc GME (Quản trị- Quản lý- Thực thi) có thể tích hợp ESG vào mọi cấp độ quản lý và quy trình quản lý rủi ro. Bên cạnh đó, cần có cơ chế thưởng và phạt rõ ràng để khuyến khích báo cáo ESG nghiêm túc: doanh nghiệp minh bạch được khen thưởng (ví dụ: giảm thuế, ưu đãi tài chính), còn những doanh nghiệp không tuân thủ sẽ chịu hình phạt thích hợp. Khuyến khích các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp lớn, tích hợp ESG vào chiến lược phát triển kinh doanh sẽ nâng cao uy tín, giảm thiểu rủi ro và tăng cường khả năng tiếp cận vốn. Việc công khai thông tin về các doanh nghiệp đã thực hiện báo cáo ESG cũng sẽ tạo áp lực và thu hút nhà đầu tư, góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế Việt Nam. ■

Tài liệu tham khảo

- Aureli, S., Gigli, S., Medei, R. and Supino, E. (2019). The value relevance of environmental, social, and governance disclosure: evidence from Dow Jones sustainability world index listed companies. *Corporate Social Responsibility and Environmental Management*, 27(1), 43-52. <https://doi.org/10.1002/csr.1772>
- Bhaskaran, R. K., Ting, I. W. K., Sukumaran, S. K. and Sumod, S.D. (2020). Environmental, social and governance initiatives and wealth creation for firms: an empirical examination. *Managerial and Decision Economics*, 41(5), 710-729. <https://doi.org/10.1002/mde.3131>
- Boffo, R., & R. Patalano. (2020). *ESG Investing: Practices, Progress and Challenges*. OECD, Paris.
- Bowen, H. R. (1953). *Social responsibilities of the businessman*. New York: Harper & Row.
- Compact, U. G. (2004). *Who cares wins: Connecting financial markets to a changing world*, New York.
- Cục Thống kê. (2024). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2024. <https://www.nso.gov.vn/bai-top/2024/10/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iii-va-9-thang-nam-2024/>
- Dũng Nguyễn. (2023). ESG và góc nhìn từ phía nhà đầu tư. <https://thesaigontimes.vn/esg-va-goc-nhin-tu-phia-nha-dau-tu/>
- Đỗ Văn Hương. (2023). Tình hình triển khai hoạt động tín dụng xanh của một số ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

- <https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/tinh-hinh-trien-khai-hoat-dong-tin-dung-xanh-cua-mot-so-ngan-hang-thuong-mai-tai-viet-nam-29161>
- European Commission (EC). (2021). *Development of tools and mechanisms for the integration of ESG factors into the EU banking prudential framework and into banks' business strategies and investment policies – Final study*. Publications Office. <https://data.europa.eu/doi/10.2874/220248>
- Henisz, W., Koller, T., & Nuttall, R. (2019). Five ways that ESG Creates Value. <https://www.mckinsey.com/~media/McKinsey/Business%20Functions/Strategy%20and%20Corporate%20Finance/Our%20Insights/Five%20ways%20that%20ESG%20creates%20value/Five-ways-that-ESG-creates-value.ashx>
- Huỳnh Diệu Ngân. (2024). Hành trình ESG của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*. <https://kinhtevadubao.vn/hanh-trinh-esg-cua-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-28995.html>
- <https://www.iucn.org/news/viet-nam/202205/vietnams-cop26-commitments-a-moment-truth>
- Kocmanová, A., & Šimberová, I. (2014). Determination of environmental, social and corporate governance indicators: framework in the measurement of sustainable performance. *Journal of Business Economics and Management*, 15(5), 1017-1033. <https://doi.org/10.3846/16111699.2013.791637>
- McKinsey (2019). *Five ways that ESG creates value*. <https://www.mckinsey.com/~media/McKinsey/Business%20Functions/Strategy%20and%20Corporate%20Finance/Our%20Insights/Five%20ways%20that%20ESG%20creates%20value/Five-ways-that-ESG-creates-value.ashx>
- McKinsey & Company (2020). *The consumer demand recovery and lasting effects of COVID-19*. Retrieved from <https://www.mckinsey.com/industries/consumer-packaged-goods/our-insights/the-consumer-demand-recovery-and-lasting-effects-of-covid-19>
- Minh Hoàng (2024). Thực thi ESG nhìn từ kinh nghiệm triển khai của EU và một số nước châu Á. *Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ*. <https://thitruongtaichinhhtiente.vn/thuc-thi-esg-nhin-tu-kinh-nghiem-trien-khai-cua-eu-va-mot-so-nuoc-chau-a-62950.html>
- Nguyễn Đăng Hải Yến & Lê Văn Sơn. (2023). *Phát triển tín dụng xanh tại Việt Nam*. <https://thitruongtaichinhhtiente.vn/phan-trien-tin-dung-xanh-tai-viet-nam-52119.html>
- Nguyễn Hoàng Hiệp. (2024). ESG: Cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt thời kinh tế số. <https://doanhnhancongly.vn/esg-co-hoi-va-thach-thuc-cho-doanh-nghiep-viet-thoi-kinh-te-so-454573.html>
- Nielsen. (2018). *Global consumers seek companies that care about environmental issues*. Retrieved from Nielsen Global Survey of Corporate Social Responsibility and Sustainability.
- OECD (Organisation for Economic Co-operation and Development). (2022). *ESG ratings and climate transition: An assessment of the alignment of E pillar scores and metrics*. https://www.oecd.org/en/publications/esg-ratings-and-climate-transition_2fa21143-en.html
- Phạm Minh Tú. (2023). Các nguyên tắc ngân hàng bền vững - Kinh nghiệm quốc tế và bài học đối với Việt Nam. *Tạp chí Ngân hàng*. <https://tapchinganhang.gov.vn/cac-nguyen-tac-ngan-hang-ben-vung-kinh-nghiem-quoc-te-va-bai-hoc-doi-voi-viet-nam-11729.html>
- Phạm Thị Vân Huyền. (2024). *Phát triển tài chính xanh tại Việt Nam*. Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia “Thúc đẩy tài chính xanh hướng tới mục tiêu Net-Zero tại Việt Nam”, tr. 538-545.
- PwC. (2023). *Báo cáo về mức độ sẵn sàng thực hành ESG của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam 2022/2023*. <https://www.pwc.com/vn/vn/publications/vietnam-publications/esg-family-business.html>
- Qureshi, M.A., Kirkerud, S., Theresa, K. and Ahsan, T. (2019). The impact of sustainability (environmental, social, and governance) disclosure and board diversity on firm value: the moderating role of industry sensitivity. *Business Strategy and the Environment*, 29(3), 1199-1214. <https://doi.org/10.1002/bse.2427>
- Taliento, M., Favino, C. & Netti, A. (2019). Impact of environmental, social, and governance information on economic performance: evidence of a corporate ‘sustainability advantage’ from Europe. *Sustainability*, 11(6). <https://doi.org/10.3390/su11061738>
- UN Global Compact (2004). *Who Cares Wins: Connecting the Financial Markets to a Changing World?*. United Nations.
- UOB (2024). *ASEAN Consumer Sentiment Study 2024 (Regional): Positive outlook amidst inflation and rising expenses*. <https://www.uobgroup.com/asean-insights/articles/acss-2024.page>
- Wang, N., Pan, H., Feng, Y., & Du, S. (2024). How do ESG practices create value for businesses? Research review and prospects. *Sustainability Accounting, Management and Policy Journal*, 15(5), 1155-1177. <http://dx.doi.org/10.1108/SAMPJ-12-2021-0515>
- World Bank (2022). *Báo cáo phát triển và khí hậu quốc gia Việt Nam*.
- Zhao, C., Guo, Y., Yuan, J., Wu, M., Li, D., Zhou, Y. and Kang, J. (2018). ESG and corporate financial performance: empirical evidence from China's listed power generation companies. *Sustainability*, 10(8), 2607. <https://doi.org/10.3390/su10082607>